ĐÁP ÁN ĐỀ THI

Công chức Hải quan

2027

Môn: Nghiệp vụ chuyên ngành

Tài liệu thuộc bản quyền của TS. Trần Quang Vũ, Z, M: 0913106015

CỤC HẢI QUAN
HỘI ĐỒNG THI CÔNG CHỨC HẢI QUAN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐÁP ÁN ĐỀ SỐ 01
MÔN NGHIỆP VỤ CHUYÊN NGÀNH HẢI QUAN

Câu 1: Xuất xứ hàng hóa là:

A. Quốc gia nơi hàng hóa được đóng gói cuối cùng.

B. Quốc gia, vùng lãnh thổ nơi hàng hóa được sản xuất toàn bộ hoặc thực hiện công đoạn gia công, chế biến cuối cùng đáp ứng quy tắc xuất xứ.

C. Quốc gia sở hữu thương hiệu.

D. Quốc gia có nhà nhập khẩu.

Đáp án đúng: B

Giải thích: Xuất xứ hàng hóa là quốc gia hoặc vùng lãnh thổ nơi hàng hóa được sản xuất toàn bộ hoặc thực hiện công đoạn gia công, chế biến cuối cùng đáp ứng quy tắc xuất xứ theo pháp luật hoặc FTA.

- A sai vì đóng gói không quyết định xuất xứ.
- C sai vì thương hiệu không quyết định xuất xứ.
- D sai vì nơi nhập khẩu không liên quan đến xuất xứ.

Câu 2: Việc xác định xuất xứ hàng hóa chủ yếu nhằm mục đích nào dưới đây?

A. Xác định phương thức thanh toán.

B. Hưởng ưu đãi thuế quan và áp dụng chính sách thương mại.

C. Xác định điều kiện giao hàng Incoterms.

D. Xác định hãng tàu vận chuyển.

Đáp án đúng: B

Giải thích: Một trong những mục đích quan trọng nhất của việc xác định xuất xứ là giúp hàng hóa được hưởng ưu đãi thuế quan theo FTA và là căn cứ áp dụng các biện pháp quản lý thương mại như chống bán phá giá, hạn ngạch, tự vệ...

Tài liệu thuộc bản quyền của TS. Trần Quang Vũ, Z, M: 0913106015

Câu 3: Thuế xuất nhập khẩu được hiểu là:

A. Khoản phí dịch vụ do doanh nghiệp nộp khi làm thủ tục hải quan.

B. Khoản thu bắt buộc của Nhà nước đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu theo quy định pháp luật.

C. Khoản tiền doanh nghiệp tự nguyện đóng góp cho ngân sách.

D. Khoản tiền phạt khi vi phạm pháp luật hải quan.

Đáp án đúng: B

Giải thích: Thuế xuất nhập khẩu là khoản thu bắt buộc mà tổ chức, cá nhân phải nộp vào ngân sách nhà nước khi phát sinh điều kiện chịu thuế theo quy định của pháp luật. Đây không phải phí dịch vụ, khoản tự nguyện hay tiền phạt.

Câu 4: Loại thuế nào dưới đây không phải lúc nào cũng phát sinh đối với hàng nhập khẩu?

A. Thuế nhập khẩu

B. Thuế GTGT

C. Thuế tiêu thụ đặc biệt

D. Thuế GTGT và Thuế nhập khẩu luôn phát sinh với mọi hàng hóa

Đáp án đúng: C

Giải thích: Thuế TTĐB chỉ áp dụng đối với các mặt hàng thuộc danh mục chịu thuế như rượu, bia, thuốc lá, ô tô... Không phải mọi hàng nhập khẩu đều chịu thuế TTĐB.

Câu 5. Thủ tục hải quan được hiểu là gì?

A. Chỉ là việc khai báo hàng hóa với cơ quan Hải quan.

B. Tổng hợp các công việc mà người khai hải quan và cơ quan Hải quan phải thực hiện theo quy định pháp luật.

C. Chỉ là hoạt động kiểm tra thực tế hàng hóa.

D. Chỉ là hoạt động thu thuế đối với hàng xuất nhập khẩu.

Đáp án: B

Giải thích: Thủ tục hải quan là **tổng hợp các công việc mà người khai hải quan và cơ quan Hải quan phải thực hiện** đối với hàng hóa, phương tiện vận tải xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh và phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh. Quy trình có thể bắt đầu từ khai báo, nộp hồ sơ, xuất trình hàng hóa khi được yêu cầu và kết thúc bằng quyết định thông quan hoặc giải phóng hàng.

Tài liệu thuộc bản quyền của TS. Trần Quang Vũ, Z, M: 0913106015

Câu 6. Thủ tục hải quan được ví như "cầu nối" giữa:

A. Hoạt động sản xuất và hoạt động tiêu dùng.
B. Hoạt động thương mại quốc tế và hoạt động quản lý nhà nước về hải quan.
C. Hoạt động kế toán và hoạt động thuế.
D. Hoạt động vận tải và hoạt động bảo hiểm.

Đáp án: B

Giải thích: Thủ tục hải quan không đơn thuần là thủ tục hành chính mà đóng vai trò kết nối **hoạt động thương mại quốc tế với hoạt động quản lý nhà nước về hải quan**.

Câu 7. Tờ khai hải quan được hiểu đúng nhất là gì?

A. Chứng từ do cơ quan Hải quan lập để xác định số thuế phải thu.
B. Chứng từ do người khai hải quan sử dụng để cung cấp thông tin cần thiết về hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu cho cơ quan Hải quan.
C. Chứng từ do người vận chuyển lập để xác nhận việc giao nhận hàng hóa.
D. Chứng từ thương mại do người bán phát hành cho người mua.

Đáp án: B

Giải thích: Tờ khai hải quan là chứng từ do **người khai hải quan sử dụng để cung cấp các thông tin cần thiết về hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu cho cơ quan Hải quan**. Tờ khai có thể được xem là "bản khai chính thức" của doanh nghiệp với cơ quan Hải quan về một lô hàng.

- A sai vì tờ khai không phải do cơ quan Hải quan lập.
- C sai vì đây là chức năng của chứng từ vận tải.
- D sai vì đây là đặc điểm của hóa đơn thương mại.

Câu 8. Vai trò nào sau đây không được xem là vai trò của tờ khai hải?

A. Là cơ sở để thực hiện thủ tục hải quan.
B. Là cơ sở để cơ quan Hải quan kiểm tra và quản lý hàng hóa.
C. Là cơ sở xác định nghĩa vụ thuế.
D. Là chứng từ thay thế hoàn toàn cho hợp đồng ngoại thương.

Đáp án: D

Giải thích: Tờ khai hải quan có nhiều vai trò: là cơ sở thực hiện thủ tục hải quan, hỗ trợ cơ quan Hải quan kiểm tra và quản lý hàng hóa, là cơ sở xác định nghĩa vụ thuế, là nguồn dữ liệu phục vụ quản lý xuất nhập khẩu và giúp doanh nghiệp kiểm soát tính thống nhất của bộ chứng từ.

Tờ khai **không thay thế hợp đồng ngoại thương**. Ngược lại, thông tin trên tờ khai phải được đối chiếu với hợp đồng, hóa đơn, packing list, vận đơn, giấy

Tài liệu thuộc bản quyền của TS. Trần Quang Vũ, Z, M: 0913106015

phép và các chứng từ liên quan.

Câu 9. Sở hữu trí tuệ (SHTT) được hiểu là:

A. Quyền sở hữu đối với mọi loại tài sản của doanh nghiệp.

B. Các quyền hợp pháp phát sinh từ hoạt động sáng tạo trí tuệ trong các lĩnh vực công nghiệp, khoa học, văn học và nghệ thuật.

C. Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất.

D. Quyền khai thác tài nguyên thiên nhiên.

Đáp án đúng: B

Giải thích: SHTT là các quyền hợp pháp phát sinh từ hoạt động sáng tạo trí tuệ trong các lĩnh vực công nghiệp, khoa học, văn học và nghệ thuật. Các phương án A, C và D không phản ánh đúng khái niệm sở hữu trí tuệ.

Câu 10. Quyền sở hữu trí tuệ được chia thành bao nhiêu nhóm chính?

A. 02 nhóm.

B. 03 nhóm.

C. 04 nhóm.

D. 05 nhóm.

Đáp án đúng: B

Giải thích: Ba nhóm quyền SHTT gồm:

- Quyền tác giả và quyền liên quan.
- Quyền sở hữu công nghiệp.
- Quyền đối với giống cây trồng.

Các đáp án khác đều không đúng.

Câu 11: Mã HS (HS Code) là viết tắt của cụm từ nào dưới đây?

A. Harmonized Shipping Code

B. Harmonized Commodity Description and Coding System

C. Harmonized System Cargo

D. Harmonized Standard Code

Đáp án đúng: B

Giải thích: HS là viết tắt của **Harmonized Commodity Description and Coding System**, nghĩa là **Hệ thống hài hòa mô tả và mã hóa hàng hóa**. Đây là hệ thống phân loại hàng hóa thống nhất được sử dụng trên phạm vi quốc tế.

Tài liệu thuộc bản quyền của TS. Trần Quang Vũ, Z, M: 0913106015

Câu 12: Mục đích quan trọng nhất của việc phân loại hàng hóa theo mã HS là gì?

A. Xác định hãng vận chuyển

B. Xác định trị giá hải quan

C. Xác định thuế áp dụng đối với hàng hóa

D. Xác định điều kiện thanh toán

Đáp án đúng: C

Giải thích: Một trong những mục tiêu quan trọng nhất của mã HS là làm căn cứ xác định:

- Thuế nhập khẩu
- Thuế xuất khẩu
- Thuế GTGT
- Thuế TTĐB
- Thuế BVMT (nếu có)

Ngoài ra còn phục vụ áp dụng chính sách quản lý chuyên ngành.

Câu 13: Trị giá hải quan là:

A. Giá bán lẻ của hàng hóa tại Việt Nam.

B. Giá trị hàng hóa do doanh nghiệp tự xác định.

C. Giá trị của hàng hóa xuất khẩu hoặc nhập khẩu được cơ quan hải quan xác định theo quy định của pháp luật để làm căn cứ tính thuế và quản lý hải quan.

D. Giá ghi trên hợp đồng ngoại thương.

Đáp án đúng: C

Giải thích: Trị giá hải quan là giá trị của hàng hóa xuất khẩu hoặc nhập khẩu được cơ quan hải quan xác định theo quy định của pháp luật để làm căn cứ tính thuế và thực hiện quản lý nhà nước về hải quan. Giá trên hợp đồng hay hóa đơn chỉ là một trong các căn cứ để xác định trị giá hải quan.

Câu 14: Đối với hàng nhập khẩu, trị giá hải quan chủ yếu được xác định dựa trên:

A. Giá bán trong nước.

B. Giá thực tế đã thanh toán hoặc sẽ phải thanh toán sau khi điều chỉnh theo quy định.

C. Giá tham khảo của cơ quan hải quan.

Tài liệu thuộc bản quyền của TS. Trần Quang Vũ, Z, M: 0913106015

D. Giá niêm yết trên website nhà sản xuất.

Đáp án đúng: B

Giải thích: Trị giá hải quan đối với hàng nhập khẩu chủ yếu được xác định trên cơ sở giá thực tế đã thanh toán hoặc sẽ phải thanh toán, sau khi cộng hoặc trừ các khoản điều chỉnh theo quy định.

Câu 15: Chính sách mặt hàng được hiểu là gì?

A. Hệ thống quy định của doanh nghiệp về hoạt động xuất nhập khẩu.
B. Hệ thống các quy định của Nhà nước nhằm quản lý hoạt động xuất nhập khẩu đối với từng loại hàng hóa.
C. Danh mục thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu.
D. Quy định của cơ quan Hải quan về kiểm tra hàng hóa.

Đáp án đúng: B

Giải thích: Chính sách mặt hàng là **hệ thống các quy định của Nhà nước nhằm quản lý việc xuất khẩu, nhập khẩu, tạm nhập, tái xuất, quá cảnh và các hoạt động thương mại quốc tế đối với từng loại hàng hóa**, thông qua các biện pháp như cấm, hạn chế, cấp phép, quy định điều kiện và kiểm tra chuyên ngành.

Câu 16: Đặc điểm nào dưới đây KHÔNG phải là đặc điểm của chính sách mặt hàng?

A. Được xây dựng trên cơ sở pháp luật.
B. Áp dụng giống nhau đối với mọi loại hàng hóa.
C. Thường xuyên thay đổi.
D. Liên quan đến nhiều cơ quan quản lý.

Đáp án đúng: B

Giải thích: Không phải mọi hàng hóa đều chịu cùng một chế độ quản lý. Có hàng hóa được tự do xuất nhập khẩu, có hàng phải xin giấy phép, kiểm tra chuyên ngành hoặc bị cấm.

Câu 17: Đâu là vai trò của xuất xứ đối với doanh nghiệp xuất khẩu?

A. Chỉ phục vụ thống kê.

B. Được hưởng ưu đãi thuế, tăng khả năng cạnh tranh và mở rộng thị trường.

C. Chỉ để khai báo trị giá hải quan.

D. Chỉ để xác định điều kiện giao hàng.

Đáp án đúng: B

Tài liệu thuộc bản quyền của TS. Trần Quang Vũ, Z, M: 0913106015

Giải thích: Doanh nghiệp xuất khẩu được hưởng nhiều lợi ích khi xác định đúng xuất xứ như:

- hưởng ưu đãi thuế;
- tăng khả năng cạnh tranh;
- mở rộng thị trường;
- gia tăng lợi nhuận;
- nâng cao uy tín với khách hàng.

Câu 18: Phát biểu nào đúng khi phân biệt "xuất xứ hàng hóa" và "nơi sản xuất"?

A. Hai khái niệm luôn giống nhau.

B. Nơi sản xuất luôn là nơi có xuất xứ.

C. Xuất xứ được xác định theo quy tắc xuất xứ, còn nơi sản xuất là địa điểm thực tế sản xuất.

D. Chỉ khác nhau đối với hàng nông sản.

Đáp án đúng: C

Giải thích: Nơi sản xuất không đồng nghĩa với xuất xứ. Xuất xứ phải đáp ứng quy tắc xuất xứ của FTA hoặc pháp luật hiện hành.

Câu 19: Thuế xuất khẩu hiện nay chủ yếu được áp dụng nhằm:

A. Khuyến khích xuất khẩu mọi loại hàng hóa.

B. Hạn chế xuất khẩu tài nguyên và nguyên liệu thô.

C. Tăng doanh số bán hàng của doanh nghiệp.

D. Hỗ trợ doanh nghiệp nhập khẩu.

Đáp án đúng: B

Giải thích: Thuế xuất khẩu chủ yếu áp dụng đối với một số nhóm hàng như khoáng sản, gỗ, tài nguyên... nhằm hạn chế xuất khẩu nguyên liệu thô và bảo vệ nguồn tài nguyên quốc gia.

Tài liệu thuộc bản quyền của TS. Trần Quang Vũ, Z, M: 0913106015

Câu 20: Căn cứ nào dưới đây không thuộc bốn căn cứ cơ bản để tính thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu?

A. Mã HS

B. Trị giá tính thuế

C. Thuế suất

D. Quốc tịch của người nhập khẩu

Đáp án đúng: D

Giải thích: Bốn căn cứ tính thuế gồm:

- Mã HS
- Trị giá tính thuế
- Thuế suất
- Số lượng hàng hóa (đối với trường hợp áp dụng)

Quốc tịch của người nhập khẩu không phải căn cứ tính thuế.

Câu 21. Một trong những vai trò của thủ tục hải quan đối với Nhà nước là:

A. Xác định giá bán hàng hóa trên thị trường nội địa.

B. Quản lý hoạt động xuất nhập khẩu.

C. Cấp tín dụng cho doanh nghiệp xuất nhập khẩu.

D. Tổ chức vận chuyển hàng hóa quốc tế.

Đáp án: B

Giải thích: Thủ tục hải quan giúp Nhà nước **quản lý hoạt động xuất nhập khẩu**, thu đúng và đủ thuế, kiểm soát hàng cấm hoặc hạn chế, thực hiện chính sách quản lý chuyên ngành, phòng chống buôn lậu và gian lận thương mại, đồng thời thu thập số liệu thống kê xuất nhập khẩu.

Câu 22. Việc thực hiện đúng thủ tục hải quan giúp doanh nghiệp đạt được lợi ích nào sau đây?

A. Luôn được miễn toàn bộ các loại thuế.

B. Không bao giờ bị kiểm tra hàng hóa.

C. Hạn chế chi phí lưu kho, lưu bãi và giảm rủi ro xử phạt.

D. Được tự động áp dụng mọi ưu đãi thuế quan.

Đáp án: C

Giải thích: Thực hiện đúng thủ tục giúp doanh nghiệp **thông quan nhanh chóng, hạn chế chi phí lưu kho/lưu bãi, giảm rủi ro xử phạt vi phạm hành chính**, đồng thời có thể tận dụng ưu đãi thuế quan từ các FTA và nâng cao uy tín. Không có quy định rằng doanh nghiệp luôn được miễn thuế hoặc không bao giờ bị kiểm tra.

Tài liệu thuộc bản quyền của TS. Trần Quang Vũ, Z, M: 0913106015

Câu 23. Nếu phân loại theo chiều dịch chuyển của hàng hóa, tờ khai hải quan được chia thành những nhóm cơ bản nào?

A. Tờ khai điện tử và tờ khai giấy.
B. Tờ khai luồng xanh và tờ khai luồng đỏ.
C. Tờ khai hàng hóa xuất khẩu và tờ khai hàng hóa nhập khẩu.
D. Tờ khai kinh doanh và tờ khai phi kinh doanh.

Đáp án: C

Giải thích: Chia tờ khai theo chiều dịch chuyển của hàng hóa thành hai nhóm cơ bản:

- **Tờ khai hàng hóa xuất khẩu:** sử dụng để khai báo hàng hóa đưa từ Việt Nam ra nước ngoài hoặc thực hiện các loại hình xuất khẩu.
- **Tờ khai hàng hóa nhập khẩu:** sử dụng để khai báo hàng hóa từ nước ngoài đưa vào Việt Nam hoặc thực hiện các loại hình nhập khẩu.

Các phương án A, B và D là những cách phân loại hoặc khái niệm khác, không phải cách phân loại theo chiều dịch chuyển hàng hóa.

Câu 24. Trong tờ khai nhập khẩu, nhóm thông tin nào cần được đặc biệt chú trọng hơn so với tờ khai xuất khẩu?

A. Trị giá hải quan, xuất xứ và thuế nhập khẩu.
B. Chỉ thông tin về số container.
C. Chỉ thông tin về người xuất khẩu.
D. Chỉ thông tin về phương tiện vận chuyển.

Đáp án: A

Giải thích: Tờ khai nhập khẩu có cấu trúc tương tự tờ khai xuất khẩu nhưng cần đặc biệt chú trọng đến **trị giá hải quan, xuất xứ và thuế nhập khẩu**. Nhóm hóa đơn và trị giá của tờ khai nhập khẩu còn bao gồm mã phân loại khai trị giá, các khoản điều chỉnh, phí vận chuyển, phí bảo hiểm và chi tiết khai trị giá.

Câu 25. Nhóm nào dưới đây thuộc quyền sở hữu công nghiệp?

A. Quyền tác giả.

B. Quyền đối với giống cây trồng.

C. Nhãn hiệu.

D. Quyền liên quan.

Đáp án đúng: C

Giải thích: Nhãn hiệu thuộc nhóm quyền sở hữu công nghiệp. Quyền tác giả, quyền liên quan và quyền đối với giống cây trồng thuộc các nhóm quyền khác.

Tài liệu thuộc bản quyền của TS. Trần Quang Vũ, Z, M: 0913106015

Câu 26. Đối tượng nào sau đây không thuộc nhóm quyền tác giả?

A. Phần mềm máy tính.

B. Bài giảng.

C. Sách.

D. Nhãn hiệu.

Đáp án đúng: D

Giải thích: Nhãn hiệu thuộc quyền sở hữu công nghiệp, không thuộc nhóm quyền tác giả. Các đáp án A, B và C đều là đối tượng của quyền tác giả.

Câu 27: Sáu số đầu của mã HS có đặc điểm nào?

A. Do từng quốc gia tự quy định

B. Thống nhất trên phạm vi quốc tế

C. Chỉ áp dụng tại Việt Nam

D. Được doanh nghiệp tự lựa chọn

Đáp án đúng: B

Giải thích: Theo Công ước HS, tất cả các quốc gia thành viên phải sử dụng thống nhất **06 số đầu** của mã HS. Các chữ số sau đó có thể được mở rộng tùy từng quốc gia.

Câu 28: Tổ chức nào chịu trách nhiệm xây dựng và cập nhật Hệ thống HS?

A. WTO

B. IMF

C. WCO

D. WB

Đáp án đúng: C

Giải thích: Hệ thống HS được xây dựng và duy trì bởi **Tổ chức Hải quan thế giới (World Customs Organization – WCO)**.

WCO cũng ban hành:

- Công ước HS
- Chú giải chi tiết HS (Explanatory Notes)
- Các phiên bản HS mới.

Tài liệu thuộc bản quyền của TS. Trần Quang Vũ, Z, M: 0913106015

Câu 29: Doanh nghiệp nhập khẩu có:

- Giá FOB: 50.000 USD
- Freight: 2.000 USD
- Insurance: 500 USD

Trị giá hải quan theo điều kiện CIF là:

A. 50.000 USD

B. 50.500 USD

C. 52.000 USD

D. 52.500 USD

Đáp án đúng: D

Giải thích: Trị giá hải quan = FOB + Freight + Insurance

= 50.000 + 2.000 + 500 = **52.500 USD**

Câu 30: Chức năng quan trọng nhất của trị giá hải quan là:

A. Quản lý ngoại hối.

B. Là căn cứ tính thuế.

C. Xác định tỷ giá.

D. Quản lý vận tải.

Đáp án đúng: B

Giải thích: Một trong những đặc điểm nổi bật của trị giá hải quan là làm căn cứ tính thuế; mọi sắc thuế tính theo giá trị đều bắt đầu từ trị giá hải quan.

Câu 31: Một trong các mục tiêu của chính sách mặt hàng là gì?

A. Tăng giá bán hàng hóa.
B. Bảo vệ sức khỏe cộng đồng.
C. Tăng lợi nhuận cho doanh nghiệp.
D. Giảm thuế nhập khẩu.

Đáp án đúng: B

Giải thích: Các mục tiêu của chính sách mặt hàng gồm: bảo vệ an ninh quốc gia, môi trường, sức khỏe cộng đồng, người tiêu dùng, sản xuất trong nước và thực hiện các cam kết quốc tế.

Tài liệu thuộc bản quyền của TS. Trần Quang Vũ, Z, M: 0913106015

Câu 32: Vai trò nào sau đây thuộc chính sách mặt hàng trong quản lý nhà nước?

A. Quyết định tỷ giá hối đoái.
B. Kiểm soát hàng hóa ảnh hưởng đến quốc phòng và an ninh.
C. Ban hành chính sách tiền tệ.
D. Quy định lãi suất ngân hàng.

Đáp án đúng: B

Giải thích: Một vai trò quan trọng của chính sách mặt hàng là bảo đảm an ninh quốc gia thông qua việc kiểm soát các mặt hàng như vũ khí, đạn dược, vật liệu nổ, hóa chất độc và thiết bị quân sự.

Câu 33: Apple là thương hiệu của Hoa Kỳ nhưng iPhone có thể sản xuất tại Việt Nam, Trung Quốc hoặc Ấn Độ. Điều này chứng minh rằng:

A. Xuất xứ luôn là Hoa Kỳ.

B. Xuất xứ phụ thuộc quốc gia đăng ký thương hiệu.

C. Xuất xứ hàng hóa được xác định theo quy tắc xuất xứ, không theo thương hiệu.

D. Không xác định được xuất xứ.

Đáp án đúng: C

Giải thích: Đây là ví dụ điển hình nhằm phân biệt xuất xứ hàng hóa với xuất xứ thương hiệu.

Câu 34: Hiệp định WTO về Quy tắc xuất xứ được xây dựng nhằm mục tiêu nào?

A. Thống nhất nguyên tắc xác định xuất xứ và tạo thuận lợi thương mại.

B. Quy định thuế nhập khẩu.

C. Ban hành Incoterms.

D. Điều chỉnh hợp đồng mua bán quốc tế.

Đáp án đúng: A

Giải thích: Hiệp định WTO về Quy tắc xuất xứ hướng tới:

- thống nhất nguyên tắc xác định xuất xứ;
- minh bạch;
- hạn chế áp dụng tùy tiện;
- tạo thuận lợi thương mại quốc tế.

Tài liệu thuộc bản quyền của TS. Trần Quang Vũ, Z, M: 0913106015

Câu 35: Nếu khai sai mã HS thì hậu quả nào dưới đây có thể xảy ra?

A. Sai số thuế phải nộp

B. Bị truy thu thuế

C. Bị xử phạt vi phạm hành chính

D. Tất cả các đáp án trên

Đáp án đúng: D

Giải thích: Việc khai sai mã HS có thể dẫn đến:

- Sai số thuế
- Truy thu
- Xử phạt
- Chậm thông quan
- Tranh chấp hoặc khiếu nại

Do đó đáp án đúng là "Tất cả các đáp án trên".

Câu 36: Thuế suất thông thường được xác định bằng:

A. 120% thuế suất MFN

B. 130% thuế suất MFN

C. 150% thuế suất MFN

D. 200% thuế suất MFN

Đáp án đúng: C

Giải thích: Theo Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, thuế suất thông thường bằng **150% thuế suất ưu đãi (MFN)** của mặt hàng tương ứng, trừ trường hợp Chính phủ có quy định khác.

Câu 37. Nội dung nào sau đây không phải là nguyên tắc thực hiện thủ tục hải quan?

A. Tuân thủ pháp luật.

B. Chính xác, trung thực.

C. Công khai, minh bạch.

D. Kiểm tra thực tế 100% mọi lô hàng.

Đáp án: D

Giải thích: Các nguyên tắc như **tuân thủ pháp luật, chính xác – trung thực, công khai – minh bạch, ứng dụng công nghệ thông tin và quản lý rủi ro**. Đặc biệt, quản lý rủi ro có nghĩa là **không phải mọi lô hàng đều bị kiểm tra thực tế**.

Tài liệu thuộc bản quyền của TS. Trần Quang Vũ, Z, M: 0913106015

Câu 38. Ai có thể là người khai hải quan?

A. Chỉ chủ hàng hóa.

B. Chỉ cán bộ Hải quan.

C. Chủ hàng, người được chủ hàng ủy quyền, đại lý làm thủ tục hải quan và một số chủ thể khác theo quy định.

D. Chỉ doanh nghiệp vận tải quốc tế.

Đáp án: C

Giải thích: Người khai hải quan là người trực tiếp thực hiện việc khai báo với cơ quan Hải quan. Các chủ thể có thể là người khai hải quan gồm **chủ hàng, người được chủ hàng ủy quyền, đại lý làm thủ tục hải quan, doanh nghiệp logistics và người điều khiển phương tiện vận tải trong một số trường hợp**.

Câu 39. Một doanh nghiệp nhập khẩu hàng hóa và sử dụng đại lý hải quan để thực hiện thủ tục. Nhận định nào sau đây đúng?

A. Đại lý hải quan đương nhiên trở thành người nhập khẩu.

B. Người nhập khẩu không còn bất kỳ trách nhiệm nào đối với thông tin khai báo.

C. Cần phân biệt chủ hàng/người nhập khẩu với đại lý thực hiện thủ tục theo ủy quyền.

D. Đại lý hải quan luôn là người chịu mọi nghĩa vụ thuế thay cho doanh nghiệp.

Đáp án: C

Giải thích: Phải phân biệt **chủ hàng/người nhập khẩu** và **đại lý hải quan**. Đại lý thực hiện thủ tục theo phạm vi được ủy quyền, nhưng việc sử dụng đại lý không đồng nghĩa doanh nghiệp hoàn toàn không còn trách nhiệm đối với tính chính xác của thông tin và hồ sơ thuộc trách nhiệm của mình.

Đây là điểm rất quan trọng trong thực tế khai báo hải quan.

Câu 40. Tại sao mã HS là một trong những thông tin đặc biệt quan trọng trên tờ khai hải quan?

A. Vì mã HS chỉ dùng để xác định tên thương mại của hàng hóa.

B. Vì mã HS liên quan đến thuế suất, chính sách quản lý, thống kê thương mại và một số biện pháp quản lý chuyên ngành.

C. Vì mã HS thay thế hoàn toàn cho mô tả hàng hóa.

D. Vì mã HS chỉ được sử dụng trong hoạt động thống kê.

Đáp án: B

Giải thích: Mã HS có ý nghĩa đặc biệt quan trọng vì liên quan đến:

- Thuế suất;

Tài liệu thuộc bản quyền của TS. Trần Quang Vũ, Z, M: 0913106015

- Chính sách quản lý;
- Thống kê thương mại;
- Một số biện pháp quản lý chuyên ngành;
- Ưu đãi thuế quan theo điều kiện áp dụng.

Đồng thời, việc xác định mã HS phải dựa trên **bản chất thực tế của hàng hóa**, các quy tắc, chú giải, danh mục hàng hóa và quy định có liên quan; không nên chỉ dựa vào tên thương mại.

Câu 41. Chủ thể quyền sở hữu trí tuệ có thể là:

A. Chỉ cá nhân.

B. Chỉ doanh nghiệp.

C. Chỉ cơ quan nhà nước.

D. Cá nhân, doanh nghiệp, viện nghiên cứu, trường đại học và các tổ chức khác theo quy định.

Đáp án đúng: D

Giải thích: Chủ thể quyền SHTT có thể là cá nhân, doanh nghiệp, viện nghiên cứu, trường đại học, tổ chức khoa học và tổ chức nước ngoài.

Câu 42. Đặc điểm nào sau đây không phải là đặc điểm cơ bản của quyền sở hữu trí tuệ?

A. Có giới hạn về thời gian.

B. Có giới hạn về không gian.

C. Có giới hạn về nội dung quyền.

D. Có hiệu lực trên toàn thế giới mà không cần xác lập quyền.

Đáp án đúng: D

Giải thích: Ba đặc điểm cơ bản của quyền SHTT là:

- Giới hạn về thời gian.
- Giới hạn về không gian.
- Giới hạn về nội dung quyền.

Quyền SHTT không tự động có hiệu lực trên toàn thế giới.

Tài liệu thuộc bản quyền của TS. Trần Quang Vũ, Z, M: 0913106015

Câu 43: Hệ thống HS chính thức có hiệu lực từ năm nào?

A. 1980

B. 1983

C. 1988

D. 1992

Đáp án đúng: C

Giải thích: Các mốc quan trọng:

- **1983:** Công ước HS được thông qua.
- **1988:** HS chính thức có hiệu lực.

Câu 44: Trong Hệ thống HS, cấp nào có giá trị pháp lý thống nhất giữa các quốc gia thành viên?

A. Phần (Section)

B. Chương (Chapter)

C. Nhóm (Heading)

D. Phân nhóm 6 số (Subheading)

Đáp án đúng: D

Giải thích: Phân nhóm **06 số** là cấp được thống nhất theo Công ước HS và có giá trị pháp lý quốc tế. Tên Phần chỉ có tính định hướng.

Câu 45: Khoản nào dưới đây có thể phải cộng vào trị giá hải quan nếu đáp ứng điều kiện pháp luật?

A. Thuế VAT nội địa.

B. Phí vận chuyển quốc tế.

C. Chi phí vận chuyển từ cảng Cát Lái về Bình Dương.

D. Lệ phí hải quan.

Đáp án đúng: B

Giải thích: Chi phí vận chuyển quốc tế (Freight) có thể phải cộng vào trị giá hải quan nếu chưa bao gồm trong giá mua. Trong khi đó, chi phí vận chuyển nội địa, VAT và lệ phí hải quan không thuộc trị giá hải quan trong trường hợp đáp ứng điều kiện loại trừ.

Tài liệu thuộc bản quyền của TS. Trần Quang Vũ, Z, M: 0913106015

Câu 46: Một trong các vai trò của trị giá hải quan là:

A. Cấp giấy phép đầu tư.

B. Chống gian lận thương mại.

C. Cấp giấy chứng nhận xuất xứ.

D. Cấp vận đơn.

Đáp án đúng: B

Giải thích: Trị giá hải quan giúp chống khai báo giá thấp, chống chuyển giá và chống thất thu ngân sách, từ đó góp phần chống gian lận thương mại.

Câu 47: Biện pháp nào sau đây góp phần bảo vệ sức khỏe cộng đồng?

A. Kiểm tra chất lượng.
B. Kiểm tra an toàn thực phẩm.
C. Kiểm dịch động vật và thực vật.
D. Tất cả các phương án trên.

Đáp án đúng: D

Giải thích: Có nhiều biện pháp như kiểm tra chất lượng, kiểm tra an toàn thực phẩm và kiểm dịch nhằm phòng ngừa dịch bệnh, hàng kém chất lượng và hóa chất độc hại.

Câu 48: Hàng rào thuế quan là việc sử dụng công cụ nào để quản lý hoạt động xuất nhập khẩu?

A. Giấy phép.
B. Hạn ngạch.
C. Thuế xuất khẩu và thuế nhập khẩu.
D. Kiểm dịch.

Đáp án đúng: C

Giải thích: Hàng rào thuế quan là việc sử dụng thuế xuất khẩu và thuế nhập khẩu nhằm tăng giá hàng nhập khẩu, bảo hộ sản xuất trong nước, tạo nguồn thu ngân sách và điều tiết thương mại.

Tài liệu thuộc bản quyền của TS. Trần Quang Vũ, Z, M: 0913106015

Câu 49: Bộ Công Thương có vai trò nào sau đây trong quản lý xuất xứ hàng hóa?

A. Ban hành Incoterms.

B. Hướng dẫn quy tắc xuất xứ và quy trình cấp C/O.

C. Thu thuế nhập khẩu.

D. Cấp mã HS.

Đáp án đúng: B

Giải thích: Bộ Công Thương hướng dẫn:

- quy tắc xuất xứ;
- quy trình cấp C/O;
- hồ sơ cấp C/O;
- tự chứng nhận xuất xứ;
- hướng dẫn thực hiện quy tắc xuất xứ trong từng FTA.

Câu 50: Xuất xứ ưu đãi là cơ sở để:

A. Áp dụng điều kiện FOB.

B. Hưởng ưu đãi thuế quan theo FTA.

C. Xác định trị giá tính thuế.

D. Xác định phương thức thanh toán.

Đáp án đúng: B

Giải thích: Xuất xứ ưu đãi áp dụng khi hàng hóa đáp ứng quy tắc xuất xứ của FTA và có chứng từ hợp lệ để được hưởng thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt hoặc các ưu đãi thương mại khác.

Câu 51: Để được hưởng thuế suất ưu đãi đặc biệt theo FTA, hàng hóa phải đáp ứng điều kiện nào sau đây?

A. Chỉ cần có giá bán thấp.

B. Chỉ cần có mã HS.

C. Đáp ứng quy tắc xuất xứ và có chứng từ chứng nhận xuất xứ hợp lệ theo quy định.

D. Chỉ cần doanh nghiệp đề nghị.

Đáp án đúng: C

Giải thích: Muốn hưởng thuế suất ưu đãi đặc biệt theo FTA, hàng hóa phải:

- Thuộc phạm vi điều chỉnh của FTA.

Tài liệu thuộc bản quyền của TS. Trần Quang Vũ, Z, M: 0913106015

- Đáp ứng quy tắc xuất xứ.
- Có chứng từ chứng nhận xuất xứ hợp lệ (C/O hoặc chứng từ phù hợp).

Câu 52: Thuế chống bán phá giá được áp dụng nhằm mục đích:

A. Tăng thu ngân sách.

B. Khuyến khích nhập khẩu.

C. Bảo vệ ngành sản xuất trong nước trước hành vi bán phá giá.

D. Giảm giá hàng nhập khẩu.

Đáp án đúng: C

Giải thích: Thuế chống bán phá giá là một biện pháp phòng vệ thương mại nhằm bảo vệ ngành sản xuất trong nước khi hàng nhập khẩu được bán với giá thấp hơn giá trị thông thường và gây thiệt hại đáng kể.

Câu 53. Loại hàng hóa nào sau đây thuộc đối tượng phải làm thủ tục hải quan?

A. Chỉ hàng nhập khẩu.
B. Chỉ hàng xuất khẩu.
C. Hàng xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh và phương tiện vận tải xuất nhập cảnh theo phạm vi quy định.
D. Chỉ hàng hóa mua bán giữa các doanh nghiệp trong nước.
Đáp án: C
Giải thích: Phạm vi đối tượng rất rộng, gồm **hàng xuất khẩu, hàng nhập khẩu, hàng quá cảnh và phương tiện vận tải xuất nhập cảnh**. Hàng quá cảnh vẫn chịu sự giám sát của cơ quan Hải quan dù không tiêu thụ tại Việt Nam.

Câu 54. ICD trong hoạt động hải quan được hiểu là:

A. Kho ngoại quan.
B. Cảng cạn.
C. Địa điểm kiểm tra tập trung.
D. Trạm kiểm dịch quốc tế.
Đáp án: B
Giải thích:
ICD (Inland Container Depot) là cảng cạn. ICD có các chức năng như tiếp nhận, lưu giữ container, kiểm hóa, làm thủ tục hải quan và kết nối với cảng biển; qua đó góp phần giảm tải cho các cảng biển lớn.

Tài liệu thuộc bản quyền của TS. Trần Quang Vũ, Z, M: 0913106015

Câu 55. Một lô hàng được sản xuất tại Trung Quốc, bán bởi doanh nghiệp Singapore và vận chuyển từ Singapore sang Việt Nam. Theo nguyên tắc, nhận định nào phù hợp nhất?

A. Singapore đương nhiên là nước xuất xứ vì hàng được gửi từ Singapore.
B. Singapore đương nhiên là nước xuất xứ vì doanh nghiệp bán hàng đặt tại Singapore.
C. Không thể mặc nhiên coi Singapore là nước xuất xứ của hàng hóa.
D. Việt Nam là nước xuất xứ vì hàng được nhập khẩu vào Việt Nam.

Đáp án: C

Giải thích: Cần **phân biệt xuất xứ hàng hóa với nơi sản xuất, nơi gửi hàng hoặc nước xuất khẩu**. Ví dụ được đưa ra chính là hàng sản xuất tại Trung Quốc, được bán bởi doanh nghiệp Singapore và vận chuyển từ Singapore sang Việt Nam; trong trường hợp này **không thể mặc nhiên coi Singapore là xuất xứ**.

Câu 56. Luồng vàng được hiểu khái quát là trường hợp nào?

A. Không kiểm tra hồ sơ và không kiểm tra thực tế hàng hóa.
B. Chỉ kiểm tra thực tế hàng hóa.
C. Cơ quan Hải quan thực hiện kiểm tra hồ sơ.
D. Doanh nghiệp được miễn toàn bộ thủ tục hải quan.

Đáp án: C

Giải thích: Có ba mức kiểm tra:

- **Luồng xanh:** xử lý ở mức thấp, không thuộc trường hợp phải kiểm tra hồ sơ hoặc kiểm tra thực tế theo quy trình tương ứng.
- **Luồng vàng:** cơ quan Hải quan **kiểm tra hồ sơ**.
- **Luồng đỏ:** cơ quan Hải quan **kiểm tra hồ sơ và kiểm tra thực tế hàng hóa**.

Đáng chú ý, phân luồng là công cụ quản lý rủi ro, **không đồng nghĩa doanh nghiệp "tốt" hay "xấu"**.

Câu 57. Một trong những vai trò của SHTT đối với hoạt động xuất nhập khẩu là:

A. Miễn thuế nhập khẩu.

B. Ngăn chặn hàng giả và hàng hóa xâm phạm quyền SHTT.

C. Giảm thuế giá trị gia tăng.

D. Miễn kiểm tra hải quan.

Tài liệu thuộc bản quyền của TS. Trần Quang Vũ, Z, M: 0913106015

Đáp án đúng: B

Giải thích: SHTT giúp ngăn chặn hàng giả, bảo vệ hàng hóa chính hãng và hỗ trợ Hải quan kiểm soát hàng hóa tại biên giới.

Câu 58. Điều kiện nào sau đây không thuộc điều kiện bảo hộ sáng chế:

A. Có tính mới.

B. Có trình độ sáng tạo.

C. Có khả năng áp dụng công nghiệp.

D. Có giá trị thương mại cao.

Đáp án đúng: D

Giải thích: Ba điều kiện bảo hộ sáng chế là:

- Có tính mới.
- Có trình độ sáng tạo.
- Có khả năng áp dụng công nghiệp.

"Giá trị thương mại cao" không phải là điều kiện bảo hộ.

Câu 59: Việt Nam hiện sử dụng mã HS có bao nhiêu chữ số trong Danh mục hàng hóa xuất nhập khẩu?

A. 4 số

B. 6 số

C. 8 số

D. 10 số

Đáp án đúng: C

Giải thích: Việt Nam sử dụng **08 số**:

- 06 số đầu theo WCO.
- 02 số cuối phục vụ quản lý trong nước như thuế, thống kê và chính sách quản lý.

Tài liệu thuộc bản quyền của TS. Trần Quang Vũ, Z, M: 0913106015

Câu 60: Trong cấu trúc mã HS, bốn chữ số đầu biểu thị cấp nào?

A. Phần

B. Chương

C. Nhóm

D. Phân nhóm

Đáp án đúng: C

Giải thích: Ý nghĩa các cấp:

- 2 số → Chương
- **4 số → Nhóm**
- 6 số → Phân nhóm
- 8 số → Mã quốc gia

Câu 61: Việc xác định đúng trị giá hải quan giúp doanh nghiệp:

A. Không cần lưu chứng từ.

B. Không phải nộp thuế.

C. Giảm rủi ro pháp lý và hạn chế bị truy thu thuế.

D. Không cần khai báo hải quan.

Đáp án đúng: C

Giải thích: Khai báo đúng trị giá giúp doanh nghiệp tránh xử phạt, hạn chế bị truy thu thuế, giảm nguy cơ tham vấn trị giá và kiểm tra sau thông quan.

Câu 62: Thuế nào dưới đây có liên quan đến trị giá hải quan?

A. Thuế nhập khẩu.

B. Thuế xuất khẩu.

C. Thuế VAT hàng nhập khẩu.

D. Cả A, B và C.

Đáp án đúng: D

Giải thích: Thuế nhập khẩu, thuế xuất khẩu và thuế VAT hàng nhập khẩu đều có liên quan đến trị giá hải quan; ngoài ra còn có thuế tiêu thụ đặc biệt và thuế bảo vệ môi trường trong các trường hợp áp dụng.

Tài liệu thuộc bản quyền của TS. Trần Quang Vũ, Z, M: 0913106015

Câu 63: Biện pháp nào dưới đây thuộc hàng rào phi thuế quan?

A. Thuế nhập khẩu.
B. Thuế xuất khẩu.
C. Giấy phép nhập khẩu.
D. Thuế giá trị gia tăng.

Đáp án đúng: C

Giải thích: Hàng rào phi thuế quan bao gồm tiêu chuẩn kỹ thuật, kiểm dịch, kiểm tra chất lượng, giấy phép, hạn ngạch và điều kiện nhập khẩu.

Câu 64: Biện pháp bảo vệ thương mại bao gồm nội dung nào sau đây?

A. Chống bán phá giá.
B. Chống trợ cấp.
C. Tự vệ thương mại.
D. Cả A, B và C.

Đáp án đúng: D

Giải thích: Các biện pháp bảo vệ thương mại được nêu gồm chống bán phá giá, chống trợ cấp và tự vệ thương mại.

Câu 65: Xuất xứ không ưu đãi thường được sử dụng trong trường hợp nào?

A. Chỉ để hưởng ưu đãi EVFTA.

B. Chỉ áp dụng trong ASEAN.

C. Áp dụng chống bán phá giá, chống trợ cấp, thống kê thương mại và quản lý nhập khẩu.

D. Chỉ dành cho hàng nông sản.

Đáp án đúng: C

Giải thích: Xuất xứ không ưu đãi phục vụ:

- chống bán phá giá;
- chống trợ cấp;
- tự vệ;
- quản lý hạn ngạch;
- thống kê thương mại;
- ghi nhãn hàng hóa;
- kiểm soát xuất nhập khẩu.

Nó không nhằm mục đích hưởng ưu đãi thuế theo FTA.

Tài liệu thuộc bản quyền của TS. Trần Quang Vũ, Z, M: 0913106015

Câu 66: Điều kiện nào sau đây không phải là điều kiện để áp dụng xuất xứ ưu đãi?

A. Có FTA giữa các bên.

B. Hàng hóa đáp ứng quy tắc xuất xứ.

C. Có chứng từ chứng minh xuất xứ hợp lệ.

D. Hàng hóa phải được vận chuyển bằng đường biển.

Đáp án đúng: D

Giải thích: Để áp dụng xuất xứ ưu đãi cần:

- có FTA;
- đáp ứng quy tắc xuất xứ;
- có chứng từ hợp lệ;
- đề nghị hưởng ưu đãi thuế quan.

Phương thức vận chuyển bằng đường biển không phải là điều kiện bắt buộc trong quy định chung về xuất xứ ưu đãi.

Câu 67: Thời điểm chủ yếu để xác định chính sách thuế và mức thuế áp dụng là:

A. Thời điểm ký hợp đồng.

B. Thời điểm hàng cập cảng.

C. Thời điểm đăng ký tờ khai hải quan.

D. Thời điểm thanh toán.

Đáp án đúng: C

Giải thích: Thời điểm đăng ký tờ khai hải quan là căn cứ chủ yếu để xác định chính sách thuế, thuế suất và tỷ giá tính thuế, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Câu 68: Doanh nghiệp tra cứu Biểu thuế nên thực hiện bước đầu tiên là:

A. Kiểm tra xuất xứ hàng hóa.

B. Thu thập đầy đủ thông tin về hàng hóa.

C. Tính thuế GTGT.

D. Xác định thuế TTĐB.

Đáp án đúng: B

Giải thích: Quy trình tra cứu Biểu thuế bắt đầu bằng việc thu thập đầy đủ thông tin về hàng hóa như tên hàng, thành phần, công dụng, chất liệu, cấu tạo,

Tài liệu thuộc bản quyền của TS. Trần Quang Vũ, Z, M: 0913106015

nguyên lý hoạt động, thông số kỹ thuật... Đây là cơ sở để phân loại đúng mã HS và xác định đúng nghĩa vụ thuế.

Câu 69. Theo quy trình thủ tục hải quan điện tử, sau bước khai báo VNACCS, bước tiếp theo là:

A. Nộp thuế ngay.
B. Đưa hàng ra khỏi khu vực giám sát.
C. Tiếp nhận tờ khai.
D. Kiểm tra thực tế hàng hóa ngay lập tức.

Đáp án: C

Giải thích: Quy trình cơ bản được trình bày theo thứ tự: **chuẩn bị hồ sơ → khai báo VNACCS → tiếp nhận tờ khai → phân luồng → kiểm tra → thông quan → giải phóng hàng**. Vì vậy, sau khi khai báo VNACCS là bước tiếp nhận tờ khai.

Câu 70. Một doanh nghiệp có lịch sử tuân thủ tốt. Theo nguyên tắc quản lý rủi ro, việc lựa chọn kiểm tra đối với doanh nghiệp này có xu hướng như thế nào?

A. Luôn kiểm tra 100% hàng hóa.
B. Giảm kiểm tra đối với doanh nghiệp tuân thủ tốt.
C. Tự động chuyển tất cả tờ khai sang luồng đỏ.
D. Không cần thực hiện thủ tục hải quan.

Đáp án: B

Giải thích: Quản lý rủi ro là phương pháp phân tích thông tin để lựa chọn đối tượng kiểm tra. Mục tiêu là tập trung kiểm tra các đối tượng có nguy cơ cao và **giảm kiểm tra đối với doanh nghiệp tuân thủ tốt**, qua đó nâng cao hiệu quả quản lý và tạo thuận lợi thương mại.

Câu 71. Doanh nghiệp vừa gửi tờ khai điện tử thành công và cho rằng hàng hóa đương nhiên đã được thông quan. Nhận định nào đúng?

A. Đúng, gửi tờ khai thành công đồng nghĩa hàng đã thông quan.
B. Đúng, nếu hệ thống đã cấp số tờ khai.
C. Sai, doanh nghiệp phải theo dõi trạng thái xử lý và đáp ứng các yêu cầu cần thiết trước khi hàng được thông quan.
D. Sai, vì mọi tờ khai đều bắt buộc phải kiểm tra thực tế.

Đáp án: C

Giải thích: Đây là một điểm phải lưu ý: **"Gửi tờ khai không đồng nghĩa với hoàn thành thủ tục hải quan."** Người khai phải theo dõi trạng thái tờ khai trên hệ thống. Tùy trường hợp, trước khi thông quan doanh nghiệp có thể phải hoàn

Tài liệu thuộc bản quyền của TS. Trần Quang Vũ, Z, M: 0913106015

thành nghĩa vụ thuế, xuất trình/bổ sung chứng từ, kiểm tra hồ sơ, kiểm tra thực tế hoặc hoàn thành thủ tục kiểm tra chuyên ngành.

Do đó, việc truyền tờ khai thành công chỉ là một bước trong quá trình làm thủ tục.

Câu 72. Công ty A nhập khẩu một lô hàng gồm 100 máy in, 500 hộp mực và 200 bộ linh kiện máy in. Nếu các mặt hàng có mã HS, đơn vị tính, xuất xứ hoặc mức thuế khác nhau, cách khai nào phù hợp nhất?

A. Gộp toàn bộ thành một dòng hàng vì cùng thuộc lĩnh vực máy in.
B. Gộp toàn bộ thành một dòng nếu cùng một nhà cung cấp.
C. Thể hiện thành các dòng hàng phù hợp với đặc điểm khai báo của từng mặt hàng.
D. Chỉ cần khai mặt hàng có giá trị cao nhất.

Đáp án: C

Giải thích: Một tờ khai có thể chứa nhiều dòng hàng. Mỗi dòng phản ánh một mặt hàng hoặc nhóm hàng có các đặc điểm khai báo tương ứng như **tên hàng, mã HS, xuất xứ, số lượng, đơn vị tính, trị giá** và các thông tin liên quan.

Như vậy, với 03 mặt hàng là **100 máy in, 500 hộp mực và 200 bộ linh kiện máy in**, doanh nghiệp phải khai 3 dòng hàng tương ứng đồng thời lưu ý rằng nếu các mặt hàng có mã HS, đơn vị tính, xuất xứ hoặc mức thuế khác nhau thì thông thường phải được thể hiện thành các dòng hàng phù hợp, thay vì gộp chung tùy tiện.

Điểm cần nhớ: **không phải cứ cùng một lô hàng hoặc cùng một nhà cung cấp là có thể gộp thành một dòng hàng.**

Câu 73. Bằng độc quyền sáng chế có thời hạn bảo hộ là:

A. 05 năm.

B. 10 năm.

C. 20 năm kể từ ngày nộp đơn.

D. Vô thời hạn.

Đáp án đúng: C

Giải thích: Bằng độc quyền sáng chế được bảo hộ **20 năm kể từ ngày nộp đơn**, còn bằng độc quyền giải pháp hữu ích được bảo hộ 10 năm.

Tài liệu thuộc bản quyền của TS. Trần Quang Vũ, Z, M: 0913106015

Câu 74. Chủ sở hữu sáng chế có quyền nào dưới đây?

A. Độc quyền sản xuất và nhập khẩu sản phẩm được bảo hộ.

B. Tự động miễn thuế nhập khẩu.

C. Tự động xử phạt hành chính người vi phạm.

D. Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

Đáp án đúng: A

Giải thích: Chủ sở hữu sáng chế có quyền độc quyền sản xuất, sử dụng, chào bán, bán, nhập khẩu sản phẩm được bảo hộ, chuyển giao quyền sử dụng và yêu cầu xử lý hành vi xâm phạm. Các đáp án B, C và D không phải quyền của chủ sở hữu sáng chế.

Câu 75: Khi đọc một mã HS hoàn chỉnh nên thực hiện bước nào đầu tiên?

A. Đọc chú giải chương

B. Xác định 2 số đầu để biết Chương

C. Kiểm tra biểu thuế

D. Xác định thuế GTGT

Đáp án đúng: B

Giải thích: Quy trình đọc mã HS được khuyến nghị:

1. Xác định **02 số đầu** (Chương).
2. Xác định **04 số đầu** (Nhóm).
3. Xác định **06 số đầu** (Phân nhóm).
4. Xem **02 số cuối** của Việt Nam.
5. Đối chiếu với GRI và Chú giải.

Câu 76: Việc khai sai mã HS có thể dẫn đến hậu quả nào dưới đây?

A. Chỉ phải sửa tên hàng

B. Không ảnh hưởng gì

C. Có thể bị truy thu thuế và xử phạt

D. Chỉ bị nhắc nhở

Đáp án đúng: C

Giải thích: Việc khai sai mã HS có thể dẫn đến:

- Truy thu thuế.
- Nộp bổ sung tiền thuế.

Tài liệu thuộc bản quyền của TS. Trần Quang Vũ, Z, M: 0913106015

- Tiền chậm nộp.
- Xử phạt vi phạm hành chính.
- Điều chỉnh tờ khai.
- Ảnh hưởng đến chính sách quản lý và thông quan.

Câu 77: Hiệp định quốc tế trong việc xác định trị giá hải quan là:

A. Hiệp định GATT.

B. Hiệp định SPS.

C. Hiệp định Trị giá Hải quan của WTO.

D. Hiệp định TRIPS.

Đáp án đúng: C

Giải thích: Hiệp định Trị giá Hải quan của WTO là một trong những căn cứ pháp lý quan trọng và Việt Nam đã nội luật hóa các nguyên tắc của hiệp định này.

Câu 78: Doanh nghiệp cần thường xuyên cập nhật:

A. Giá vàng.

B. Tỷ giá thị trường tự do.

C. Các nghị định và thông tư hướng dẫn mới về trị giá hải quan.

D. Giá cổ phiếu.

Đáp án đúng: C

Giải thích: Doanh nghiệp cần thường xuyên cập nhật các nghị định và thông tư hướng dẫn mới để khai báo trị giá hải quan đúng quy định hiện hành.

Câu 79: Cơ sở pháp lý của chính sách mặt hàng bao gồm văn bản nào dưới đây?

A. Luật Hải quan.
B. Luật Quản lý ngoại thương.
C. Các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.
D. Tất cả các phương án trên.

Đáp án đúng: D

Giải thích: Chính sách mặt hàng được xây dựng trên nhiều nguồn pháp luật như Luật Hải quan, Luật Quản lý ngoại thương, các luật chuyên ngành, nghị định, thông tư và các điều ước quốc tế mà Việt Nam tham gia.

Tài liệu thuộc bản quyền của TS. Trần Quang Vũ, Z, M: 0913106015

Câu 80: Trước khi đăng ký tờ khai hải quan, người khai hải quan phải thực hiện công việc nào trước tiên?

A. Xin hoàn thuế.
B. Xác định đúng chính sách mặt hàng áp dụng đối với hàng hóa.
C. Nộp thuế nhập khẩu.
D. Đăng ký kiểm tra sau thông quan.

Đáp án đúng: B

Giải thích: Doanh nghiệp phải xác định đúng tên hàng, mã HS, chính sách quản lý và chuẩn bị đầy đủ hồ sơ trước khi thực hiện thủ tục hải quan; đồng thời áp dụng đúng quy định tại thời điểm đăng ký tờ khai.